

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Diệu N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Diệu N trình bày: Bà N, ông T qua mai mối được hai gia đình tổ chức lễ cưới, đến ngày 14/4/2010 đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân T, huyện T, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 quyển số 01. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung hạnh phúc ở nhà cha mẹ vợ tại xã M, huyện T và sinh được hai con chung tên Huỳnh Ngọc Khánh Vy, sinh ngày 14/10/2010 và Huỳnh Khánh Lâm, sinh ngày 19/4/2015. Thời gian sau này, hai bên cũng bất đồng ý kiến nhỏ nhưng cuộc sống chung chưa đến mức trầm trọng, sau đó ông T tiếp tục ăn chơi, nợ nần nên ngày 12/6/2018 ông T đã bỏ nhà đi về cha mẹ ruột ở xã Tân T, huyện T sinh sống đến nay, con chung hiện do bà N nuôi dưỡng. Bà N thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với ông T và yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, yêu

cầu ông T cấp dưỡng cho mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Huỳnh Minh T trình bày: Về mai mối, kết hôn, có hai con chung là đúng như bà N trình bày là đúng. Tuy nhiên, do buồn gia đình nên ngày 12/6/2018 ông T đã bỏ nhà đi về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay. Bà N nói ông T ăn chơi nợ nần là không đúng, tiền lương ông T đi làm về đều đưa cho bà N. Bà N yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì còn thương vợ. Ông T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng chung tên Huỳnh Ngọc Khánh Vy, sinh ngày 14/10/2010 và Huỳnh Khánh Lâm, sinh ngày 19/4/2015, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 800.000đ/tháng. Ông T không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa xác định trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đúng nghĩa vụ và thực hiện đầy đủ quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn với ông T, ông T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Diệu N khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung với ông Huỳnh Minh T. Đây là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An vào ngày 14/4/2010, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 01/2010. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu hôn nhân, cuộc sống chung hạnh phúc. Sau này, do bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau gây mất hạnh phúc gia đình. Tháng 6/2018, ông T bỏ về cha mẹ ruột ở cho đến nay, từ đó đến nay thì cả hai không còn quan tâm, liên lạc và chăm sóc lẫn nhau. Bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T và yêu cầu ly hôn. Ông T xác định ông còn thương vợ và mong muốn đoàn tụ nhưng suốt

quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T không có giải pháp để hàn gắn tình cảm với bà N. Xác định mối quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã tồn tại mâu thuẫn và hiện tại chưa khắc phục được, bà N và ông T đã sống ly thân thời gian tương đối dài. Điều đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ly hôn. Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông T có hai con chung tên Huỳnh Ngọc Khánh Vy, sinh ngày 14/10/2010 và Huỳnh Khánh Lâm, sinh ngày 19/4/2015, hiện bà N đang nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng 800.000đ mỗi cháu/tháng. Xét thấy, con chung hiện tại đang sống với bà N, bà N đi làm công nhân có thu nhập ổn định để điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Huỳnh Ngọc Khánh Vy có nguyện vọng sống chung với bà N. Do đó, giao cho bà N nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 695.000đ mỗi con chung cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung do bà N và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, ông T chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Diệu N đối với ông Huỳnh Minh T.

Về hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giao bà Hồ Diệu N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung hai con chung tên Huỳnh Ngọc Khánh Vy, sinh ngày 14/10/2010 và Huỳnh Khánh Lâm, sinh ngày 19/4/2015. Ông Huỳnh Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 695.000đồng/cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của bà N, ông T hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Hồ Diệu N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001724 ngày 22/02/2019 của Chi

cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Ông T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Tân T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Hoàng Quân